

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSY

NGÀY 09 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						257 973	122 999	134 974			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						<u>78 033</u>	<u>2 338</u>	<u>75 695</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						2 380	2 338	42			
1		ĐẠM NINH BÌNH	07/07	1067/07		NB 8902	CẨM 4A.1	2 380	2 338	42	08/07		
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						75 653		75 653			
1		XD CN MỎ	23/06	631/04	29/06	BN 2519	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
2		XD CN MỎ	23/06	730/04	29/06	BN 2276	Cẩm 4b.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	26/06	764/04	30/06	HD 2266	Cẩm 4b.1	1 980		1 980		TD	
4		CROMIT CĐ THANH HÓA	23/06	786/04	30/06	HD 2558	CỤC XỎ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L2
5		XD CN MỎ	27/06	815/05	30/06	BN 1459	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
6		DVVT QUẢNG NINH	23/06	841/05	30/06	BN 2228	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		KDT BẮC THÁI	26/06	932/05	30/06	HD 1818	CẨM 1	1 981		1 981		TD	
8		KDT BẮC THÁI	26/06	933/05	30/06	BN 1158	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠI L1
9		KDT BẮC THÁI	26/06	934/05	30/06	BN 2033	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	
10		VTT VINACOMIN	23/06	937/05	30/06	BN 1468	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
11		CROMIT CĐ THANH HÓA	23/06	943/05	30/06	HD 2095	CỤC XỎ 1C	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
12		CROMIT THANH HOÁ	30/06	944/05		NB 8927	CẨM 4B.1	3 020		3 020		TD	
13		KDT CẦU ĐUÔNG	26/06	947/05	30/06	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
14		THAN SÔNG HỒNG	24/06	977/06	30/06	BN 2006	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
15		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000			
16		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XỎ 1C	1 020		1 020			
17		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XỎ 1C	1 550		1 550		TD	
18		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CẨM 5A.1	8 750		8 750			
19		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CẨM 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
20		XD CN MỎ	01/07	991-B/06	08/07	BN 1835	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
21		KDT BẮC THÁI	16/06	1005/06	30/06	BN 2308	CẨM 1	1 530		1 530		TD	
22		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cẩm 4b.1	1 200		1 200		TD	
23		KDT BẮC THÁI	24/06	1028/06		HD 2099	CẨM 1	1 980		1 980		TD	
24		KDT BẮC THÁI	24/06	1029/06		BN 1869	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	
25		KDT BẮC THÁI	24/06	1030/06		BN 2508	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	
26		ĐẠM NINH BÌNH	26/06	1033/06		NB 6339	CẨM 4A.1	4 000		4 000			
27		COALIMEX	01/07	1045-B/06	16/06	QN 7237	CẨM 5A.1	5 312		5 312		PTCB	GIA HẠN L1
28		KDT HÀ BẮC	08/07	1046/06	23/07	BN 1309	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 09 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
29		KDT HÀ BẮC	30/06	1047/06		BN 2168	CÁM 5A.1	1 000		1 000		PTCB	
30		KDT HÀ BẮC	30/06	1049/06		BN 0937	CÁM 5A.1	1 170		1 170		PTCB	
31		THAN MIỀN NAM	01/07	1050/06		VIỆT THUẬN 095-01	CÁM 5A.1	8 700		8 700			
32		ĐT TMDV VINACOMIN	01/07	1051/07		BN 1758	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
33		CP HẢNG HẢI VN	02/07	1053/07	17/07	BN 1816	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
34		ĐẠM HÀ BẮC	04/07	1056/07		TĐ 98-4	CÁM 4A.1	2 300		2 300			
35		ĐẠM HÀ BẮC	04/07	1057/07		TĐ 51	CÁM 4A.1	2 362		2 362			
36		THAN SÔNG HỒNG	04/07	1058/07		BN 1809	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
37		ĐẠM HÀ BẮC	07/07	1065/07		TĐ 16-TT	CÁM 4A.1	2 360		2 360			
38		CP CATALAN	08/07	1070/07		BN 1991	CỤC 5A.1	1 600		1 600			
39		ĐT TMDV VINACOMIN	08/07	1071/07	23/07	BN 1879	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	
		<u>Tàu chuyển tải</u>						<u>118 200</u>	<u>86 848</u>	<u>31 352</u>			
		<u>Tàu đang làm hàng</u>						<u>118 200</u>	<u>86 848</u>	<u>31 352</u>			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	25/06	1027/06		VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 750	22 801	- 51	08/07		KVDB:5.010,84 - CLM:17.789,72
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	29/06	1040/06		HẢI NAM 39	CÁM 6A.1	28 850	28 451	399	08/07		KVCP:5.690,82 - TTHG:22.759,93
3		ĐIỆN VŨNG ÁNG	19/06	1014/06		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 5A.10	20 500	9 444	11 056	ĐỔ		KVDB:6.000 -CLM:14.500
4		ĐIỆN VŨNG ÁNG	26/06	1034/06		VIỆT THUẬN 235-01	CÁM 5A.14	22 800	16 463	6 337	ĐỔ		CLM:11.000 - KDT CP:11.800
5		ĐẦU KHÍ HÀ TĨNH	30/06	1043/06		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	CÁM 5A.10	23 300	9 690	13 610	ĐỔ		KVDB:5.000 - CLM:18.300
		<u>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</u>											
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						<u>16 830</u>	<u>4 984</u>	<u>11 846</u>			
		<u>Tàu đã làm hàng</u>						<u>5 020</u>	<u>4 984</u>	<u>36</u>			
1		CP ĐTTM&DV	06/7	168	20/7	TRẦN GIA 09	CỤC 1B	940	927	13	08/7	TD	
2		CP ĐTTM&DV	06/7	168	20/7	TRẦN GIA 09	CÁM 8A	1 000	985	15	08/7	TD	
3		CẦU ĐUÔNG	06/7	1231/6	21/7	HD - 2558	CÁM 8A	2 080	2 076	4	08/7	TD	
4		HẢI PHÒNG	06/7	210B	20/7	BN - 2112	CỤC 1B	1 000	996	4	08/7	TD	
		<u>Tàu đã làm lệnh</u>						<u>11 810</u>		<u>11 810</u>			
1		CP VT&KD THAN	02/7	61	16/7	BN - 1368	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
2		MIỀN TRUNG	03/7	87	17/7	PHÚC THỊNH 18	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
3		MIỀN TRUNG	03/7	87	17/7	PHÚC THỊNH 18	CỤC 1B	930		930		TD	
4		SÔNG HỒNG	03/7	90	17/7	BN - 2366	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
5		CP ĐVVT QNINH	03/7	91	17/7	BN - 2646	CỤC 1A	1 100		1 100		TD	
6		CP ĐTTM&DV	04/7	109	17/4	BN - 0695	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
7		CẦU ĐUÔNG	06/7	215	21/7	BN - 2203	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 09 HÁNG 07 NĂM 2025

[illegible]

|
|
|

